

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 201/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (V1).

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Đình T - Giám đốc Khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ, theo giấy ủy quyền số 2263694.24 ký ngày 23/10/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q

2. Ông Phạm Thanh H – Giám đốc Thu hồi Nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng. Đơn vị: Vùng B, Khối Mạng lưới Kinh doanh ngân hàng bán lẻ, theo Giấy ủy quyền số 232921.24 ngày 23/10/2024 của Giám Đốc Khối Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng bán lẻ.

Địa chỉ: Tầng A, 2 Tòa nhà P, số C M, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người được ủy quyền:

1. Ông Chu Quang M - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

2. Ông Nguyễn Duy C - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q

3. Ông Nguyễn Văn T1 - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

Đều địa chỉ: SN F đường B, phường Đ, TP ., tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1968

2. Ông Nguyễn T3, sinh năm: 1967

Cùng địa chỉ: Phố T, phường Đ, TP ., tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn T3 đều thống nhất về thời hạn vay, thời điểm ký hợp đồng, nội dung hợp đồng, khoản tiền vay, thời hạn trả nợ, mục đích vay, khoản tiền bà T2, ông T3 đã trả cho Ngân hàng TMCP Q, khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 6106852.23 ngày 30/06/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 6106852(2).23 ngày 03/07/2023.

2.1. Về số nợ: Hai bên thống nhất bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn T3 còn nợ Ngân hàng V1 tạm tính đến ngày 17/4/2025 là: 505.928.604 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 458.235.335 đồng; Nợ lãi: 44.270.026 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.523.243 đồng.

2.2. Phương thức trả nợ: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn T3 cam kết sẽ trả nợ cho Ngân hàng V1 vào ngày 20/5/2025.

(Trường hợp ngày trả nợ rơi vào thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ thì yêu cầu ông Nguyễn T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4 nợ vào ngày kế tiếp).

Kể từ ngày 18/4/2025, ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc và tiền lãi chậm trả trên dư nợ lãi chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 6106852.23 ngày 30/06/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 6106852(2).23 ngày 03/07/2023.

Trường hợp ông Nguyễn T3, bà Nguyễn Thị Thanh vi P cam kết trả nợ theo thỏa thuận trên, Ngân hàng TMCP V1 có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là cụ thể là: "Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 671a, tờ bản đồ số: 1, địa chỉ: phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q 137014, sổ vào sổ cấp GCN: A14 000454 QSDĐ do UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18/10/1999 cho bà Nguyễn Thị T2 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn T3 đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

2.3. Về án phí: Hai bên thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn T3 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 12.118.572đ (mười hai triệu một trăm mười tám nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 11.747.000đ (mười một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0002233 ngày 19/02/2025.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Liên